TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HS-ST
Ngày: 23-05-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đính.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Vũ Xuân Chính;

+ Ông Nguyễn Quốc Thống

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2023/TLST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2023, Thông báo dời ngày xét xử số 50/2023/TB-TA ngày 15/5/2023 đối với các bị cáo:

- Bị cáo thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Minh Q, sinh năm 1988 (tên gọi khác: Tý T), tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang; nơi cư trú: Khu vực 2, khóm 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Ch và bà Trương Thị Th (chết); anh chị em ruột 03 người, bản thân chưa vợ.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 16/9/2011 bị Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xử phạt 15 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt ngày 31/7/2022.

Về nhân thân: Ngày 25/3/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xử phạt 09 tháng 25 ngày tù về tội Trộm cắp tài sản, bản án này đã xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 19/01/2023 đến ngày 28/01/2023 chuyển tạm giam cho đến nay (bị cáo có mặt).

- Bị cáo thứ hai:

Họ và tên: Lâm Hoàng D, sinh năm 1990, tại thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: Khóm 4, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Hoàng V (chết) và bà Nguyễn Hồng Nh; anh chị em ruột 05 người; có vợ tên Hứa Thị H, sinh năm 1992, chưa có con.

Tiền sự: Không.

Tiền án:

+ Ngày 05/12/2007, Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, tại bản án số 50/2007/HSST.

+ Ngày 28/02/2008, Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, theo bản án số 05/2008/HSST. Tổng hợp hai bản án là 02 năm 03 tháng tù chấp hành xong hình phạt ngày 07/11/2009 (bản án này chưa xóa án tích).

+ Ngày 26/6/2013, Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xử phạt 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, theo bản án số 38/2013/HSST.

+ Ngày 17/9/2013, Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xử phạt 04 năm tù về tội trộm cắp tài sản, theo bản án số 31/2013/HSST (bản án xác định tái phạm); tổng hợp hai bản án là 07 năm tù.

+ Ngày 15/4/2014, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xử phạt 02 năm tù về tội trộm cắp tài sản, theo bản án số 17/2014/HSST. Tổng hợp hình phạt bản án số 31/2013 ngày 17/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn và bản án số 38/2013 ngày 26/6/2013 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, bị cáo chấp hành hình phạt chung là 09 năm tù (bản án xác định tái phạm). Bị cáo kháng cáo, tại bản án phúc thẩm số 102/2014/HSPT ngày 25/6/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo; chấp hành xong hình phạt ngày 08/3/2020. Bản án này xác định tái phạm đối với D (chưa xóa án tích).

Về nhân thân:

+ Ngày 10/02/2004 bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng thời gian 18 tháng theo quyết định số 374/QĐ-UB ngày 05/8/2003 của Chủ tịch UBND huyện Ngọc Hiển, chấp hành xong ngày 10/8/2005.

+ Ngày 13/8/2010 bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục thời gian 24 tháng theo quyết định số 977/QĐ-UB(BC) ngày 22/6/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau, chấp hành xong ngày 13/8/2012.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 19/01/2023 đến ngày 28/01/2023 chuyển tạm giam cho đến nay (bị cáo có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo D*: Ông Phan Khánh D – Là Luật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị hại*: Ông Phạm Văn Th, sinh năm 1967; địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau (xin vắng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng hơn 11 giờ ngày 19/01/2023, bị cáo Lâm Hoàng D điều khiển xe chở mô tô biển số 69M1-292.86 từ thị trấn Năm Căn theo hướng Quốc lộ 1A hướng ra Cà Mau, khi đến cầu vượt thuộc khóm Cái Nai gặp bị cáo Nguyễn Minh Q kêu dừng xe chở đi tìm bạn của bị cáo Q là T ở ấp Chống Mỹ A, xã Hàm Rồng, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau; các bị cáo đi theo hướng xã Hàng Vịnh và đi vòng qua ấp Chống Mỹ A, xã Hàm Rồng. Khi đi đến nhà của ông Phạm Văn Th thuộc ấp C, xã H thì bị cáo D dừng xe lại để đi vệ sinh. Đi vệ sinh xong bị cáo Q phát hiện trong chòi tôm của ông Th có một thùng nhựa màu đỏ bên trong đựng tôm sú nên Q nảy sinh ý định trộm tôm bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Lúc này, Q thấy phương tiện vỏ máy đang đậu trong ụ trong chòi vuông, trên vỏ có thùng xốp đựng tôm sú, Q lấy rổ xúc tôm thêm rồi đổ vào đầy thùng nhựa màu đỏ. Q khiên thùng tôm ra để lên xe thì bị ông Phạm Văn Th phát hiện truy hô *"ăn trộm, ăn trộm bà con ơi"*, bị cáo D nổ máy chạy ông Th dùng xe rượt đuổi khoảng 400 mét thì đuổi kịp và đạp xe ngã, đồng thời được quần chúng nhân dân hỗ trợ nên bắt được bị cáo D cùng với thùng tôm sú, bị cáo Q chạy trốn trong bụi rậm trong vuông sau đó cũng bị bắt giữ. Ông Th trình báo sự việc, Công an xã Hàm Rồng đến lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và tang vật giữ gồm:

- 01 (một) thùng nhựa màu đỏ bên trong đựng đầy tôm sú, có trọng lượng là 21kg, loại tôm 15 đến 16 con/kg.

- 01 (một) xe mô tô hiệu SUZUKI BKS 69M1-292.86.

- 01 (một) giấy phép láy xe mô tô và 01 (một) giấy căn cước công dân tên Lâm Hoàng D.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐ ĐGTS ngày 31/01/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của huyện Năm Căn, kết luận: Tài sản trộm có giá trị 6.853.000 đồng.

Vụ án được khởi tố và bắt tạm giam các bị cáo cho đến nay.

Tại bản cáo trạng số 14/CT-VKS ngày 25/4/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn đã truy tố đối với bị cáo Lâm Hoàng D *về: "Tội trộm cắp tài sản"* theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Minh Q *về: "Tội trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng truy tố, đề nghị áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17 của Bộ luật Hình sự xử phạt Lâm Hoàng D về tội : *"Trộm cắp tài sản"*, xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Q về tội : "*Trộm cắp tài sản"*, xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Tịch thu tiêu hủy 01 thùng nhựa màu đỏ cao 45cm đường kính miệng thùng 40cm, đáy thùng 30cm có in chữ nổi "VIET NHATPLASTIC" 50 lít đã qua sử dụng.

- Người bào chữa cho bị cáo D trình bày lời bào chữa: Thống nhất với tội danh và Điều luật Viện kiểm sát truy tố; về hình phạt, đề nghị có thể xem xét cho bị cáo hưởng mức án nhấp nhất của khung hình phạt, với nguyên nhân sau: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội mang tính bộc phát nhất thời chứ không có bàn bạc hứa hẹn trước, chỉ là người giúp sức, gia đình bị cáo khó khăn thuộc hộ cận nghèo, không được học hành nên nhận thức pháp luật hạn chế, từ những chi tiết trên đề nghị áp dụng mức thấp nhất của khung hình phạt là 02 năm tù nhằm tạo điều kiện cho bị cáo sớm có cơ hội làm lại cuộc đời.

- Bị cáo D trình bày: Bị cáo đồng ý với bản luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, điều luật và hình phạt; bị cáo đồng ý với lời bào chữa của Luật sư bào chữa cho bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo xin được xem xét mức hình phạt nhẹ nhất để bị cáo sớm hòa nhập cộng đồng.

- Bị cáo Q trình bày: Không có ý kiến đối với bản luận tội của Kiểm sát

viên, đồng ý với tội danh, điều khoản và hình phạt. Tuy nhiên bị cáo xin được xem xét mức án nhẹ nhất để về làm lại cuộc đời, vì bị cáo cũng đã lớn tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Năm Căn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Minh Q và Lâm Hoàng D đều khai nhận đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của ông Phạm Văn Th. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại về thời gian, không gian và địa điểm xảy ra vụ án, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản hiện trường, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Nguyễn Minh Q, Lâm Hoàng D đã có hành vi lén lút trộm tôm của ông Th để trong chòi vuông và tôm trong thùng xốp để dưới vỏ, khi phát hiện bắt giữ tài sản thu được cân có trọng lượng là 21 ký tôm sú loại 15 – 16 con/ký.

Căn cứ vào lời khai nhận của các bị cáo cùng với các chứng cứ thu thập đã được xem xét tại phiên tòa có đủ cơ sở chứng minh bị cáo Nguyễn Minh Q thực hiện việc trộm cắp, bị cáo Lâm Hoàng D dùng xe máy chở Q tẩu thoát khi bị rượt đuổi, theo kết luận định giá tổng số tôm trị giá 6.853.000 đồng. Như vậy, hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị cáo Q và D đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" được quy định trong Bộ luật Hình sự, tội phạm thực hiện đã hoàn thành.

[3] Hành vi chiếm đoạt tài sản của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Các bị cáo đều nhận thức được tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của người khác không ai có quyền xâm phạm một cách trái pháp luật, thế nhưng chỉ vì mục đích vụ lợi cá nhân là động cơ thúc đẩy các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo đã vi phạm pháp luật hình sự và các bị cáo đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

[4] Đối với bị cáo Q, năm 2011 bị Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xử 15 năm tù về tội trộm cắp tài sản, chưa chấp hành xong toàn bộ bản án, mới chấp hành xong hình phạt chính, tiếp tục thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trong khi chưa được xóa án tích, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm, Viện kiểm sát truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[5] Bị cáo D, 05 lần bị xét xử về hành vi trộm cắp tài sản, bản án phúc thẩm số 102/2014/HSPT ngày 25/6/2014 xác định bị cáo tái phạm, bị cáo chưa chấp hành xong toàn bộ bản án, mới chấp hành xong hình phạt chính vào ngày 08/3/2020 nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, Viện kiểm sát truy tố bị cáo theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[6] Các bị cáo phạm tội đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, thỏa thuận với nhau từ trước khi thực hiện tội phạm, mà chỉ là tự phát nên cáo trạng Viện Kiểm sát không truy tố các bị cáo phạm tội có tổ chức là có căn cứ.

[7] Xét về nhân thân các bị cáo:

[7.1] Bị cáo Q là người chủ động và trực tiếp thực hiện tội phạm, bị cáo đóng vai trò chính trong vụ án, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo có tình tiết tăng nặng là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7.2] Bị cáo D thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản với vai trò đồng phạm giúp sức, mặc dù bị cáo không phải là người chủ động khởi xướng nhưng bị cáo là người trực tiếp tham gia cùng thực hiện tội phạm. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo không biết chữ, nhận thức pháp luật hạn chế nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do áp dụng tình tiết định khung đối với bị cáo nên không áp dụng tình tiết tăng nặng theo Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là phù hợp.

[8] Đối với bị cáo D, quá trình điều tra bị cáo cho rằng bị cáo không biết bị cáo Q trộm tài sản mà do bị cáo Q nói đây là tôm của nhà dì bị cáo Q, lời trình bày của bị cáo D không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ: Theo trình bày của bị cáo thì bị cáo Q kêu bị cáo chở đi xã Hàm Rồng để tìm bạn của Q chứ không nói đến nhà dì chở tôm. Khi dừng xe mục đích cả hai là đi vệ sinh chứ không phải ghé nhà người thân của Q, khi bị hại phát hiện la *"trộm, trộm bà con ơi"* thì bị cáo nổ máy tẩu thoát, chứng tỏ bị cáo cùng Q muốn thực hiện tội phạm đến cùng, bị cáo thực hiện hành vi với vai trò giúp sức nên bị cáo phải cùng chịu trách nhiệm đối với giá trị tài sản do bị cáo Q trộm. Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo và thừa nhận hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử xem xét áp

dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[9] Hội đồng xét xử đã có sự cân nhắc và đánh giá mức độ, tính chất của vụ án cũng như căn cứ vào tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội để áp dụng mức hình phạt tù tương xứng với hành vi của từng bị cáo nhằm giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và góp phần vào công tác phòng ngừa chung.

[10] Xử lý vật chứng và trách nhiệm về dân sự:

[10.1] Xử lý vật chứng

Đối với chiếc xe mô tô BKS 69M1 – 292.86 do bị cáo Lâm Hoàng D đứng tên chủ sở hữu nhưng ngày 19/12/2022 bị cáo đã lập hợp đồng bán lại xe cho anh Trần Minh V với giá 5.000.000 đồng, sau đó anh V cho bị cáo D mượn sử dụng, việc bị cáo sử dụng xe vào việc phạm tội anh V không biết nên ngày 08/02/2023 Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho anh V là đúng quy định nên không xem xét lại.

Đối với 01 (một) giấy phép lái xe và 01 (một) giấy căn cước công dân mang tên Lâm Hoàng D, cơ quan điều tra giao trả lại cho chị Hứa Thị H vợ bị cáo là phù hợp nên không xem xét lại.

Đối với 01 thùng nhựa màu đỏ cao 45cm đường kính miệng thùng 40cm, đáy thùng 30cm có in chữ nổi "VIET NHATPLASTIC" 50 lít đã qua sử dụng của ông Th, qua làm việc ông Th không có yêu cầu nhận lại, nhưng do tài sản còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[10.2] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản các bị cáo chiếm đoạt là tôm sú, mặt hàng dễ hỏng, nên sau khi kiểm đếm Cơ quan chức năng đã giao trả cho người bị hại và người bị hại không đặt ra yêu cầu về trách nhiệm dân sự nên không xem xét.

[11] Về mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị là tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo nên được chấp nhận; về xử lý vật chứng, do tài sản còn giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử có xem xét điều chỉnh, tịch thu sung quỹ Nhà nước là phù hợp như nhận định ở phần trên.

[12] Đề nghị của Người bào chữa cho bị cáo D là có căn cứ được xem xét chấp nhận.

[13] Về án phí: Các bị cáo đều bị kết án nên mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[14] Người bị hại có yêu cầu xét xử vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của bị hại không trở ngại đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị cáo và người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Minh Q và Lâm Hoàng D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Q 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ tạm giam ngày 19/01/2023.

- Điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lâm Hoàng D 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ tạm giam ngày 19/01/2023.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo 45 ngày để đảm bảo chấp hành bản án.

Về xử lý vật chứng và án phí: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 thùng nhựa màu đỏ cao 45cm đường kính miệng thùng 40cm, đáy thùng 30cm có in chữ nổi "VIET NHATPLASTIC" 50 lít đã qua sử dụng *(Vật chứng, Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/4/2023, bút lục 290).*

Án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Sở tư pháp;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- Công an huyện Năm Căn;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Những người tham gia TT;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã Ký)

Nguyễn Ngọc Đính